

Biểu số 8 - Ban hành kèm theo Thông tư số      ngày      tháng      năm      của Bộ Tài chính

Đơn vị:

Chương:

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm ...**

(Kèm theo Quyết định số      /QĐ- ... ngày.../.../....của.... )

(Dùng cho các tổ chức cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

*Đv tính: Triệu đồng*

| Số<br>TT | Nội dung                                       | Tổng<br>số<br>liệu<br>báo<br>cáo<br><br>quyết<br>toán | Tổng<br>số<br>liệu<br>quyết<br>toán<br>được<br>duyet | Chênh<br>lệch | Số quyết<br>toán<br>được<br>duyet<br>chi tiết<br>từng<br>đơn vị<br>trực<br>thuộc<br>(nếu có<br>đơn vị<br>trực<br>thuộc) |
|----------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                              | 3                                                     | 4                                                    | 5=4-3         | 6                                                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>              |                                                       |                                                      |               |                                                                                                                         |
| <b>1</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                  |                                                       |                                                      |               |                                                                                                                         |
| 1.1      | Kinh phí thực hiện chế độ tự<br>chủ            |                                                       |                                                      |               |                                                                                                                         |
| 1.2      | Kinh phí không thực hiện chế<br>độ tự chủ      |                                                       |                                                      |               |                                                                                                                         |
| <b>2</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học và<br/>công nghệ</b> |                                                       |                                                      |               |                                                                                                                         |

|          |                                                    |  |  |  |  |
|----------|----------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 2.1      | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |  |  |  |  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>  |  |  |  |  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>        |  |  |  |  |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>     |  |  |  |  |
| 2.2      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |  |  |  |  |
| 2.3      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |  |  |  |  |
| <b>3</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> |  |  |  |  |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |  |  |  |  |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |  |  |  |  |
| <b>4</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |  |  |  |  |
| 4.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |  |  |  |  |
| 4.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |  |  |  |  |
| <b>5</b> | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |  |  |  |  |
| 5.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |  |  |  |  |
| 5.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |  |  |  |  |
| <b>6</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |  |  |  |  |

|           |                                                         |  |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |  |  |  |  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |

|          |                                                         |  |  |  |  |
|----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 1.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b> | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>7</b> | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>8</b> | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>9</b> | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |

|            |                                                    |  |  |  |  |
|------------|----------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 9.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 9.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>              |  |  |  |  |
| 10.1       | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 10.2       | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                     |  |  |  |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |  |  |  |  |
| 1.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 1.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> |  |  |  |  |
| 3.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 3.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |  |  |  |  |
| 4.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 4.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |  |  |  |  |
| 5.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |  |  |  |  |
| 6.1        | Dự án A                                            |  |  |  |  |
| 6.2        | Dự án B                                            |  |  |  |  |

|           |                                                         |  |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1      | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2      | Dự án B                                                 |  |  |  |  |

**Nguồn:** Thông tư 90/2018/TT-BTC